

Số: 530/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các dự án theo Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương;

Xét Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị cho ý kiến về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các dự án theo Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 369/BC-KTNS ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các dự án, với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của 05 dự án là 76.330,342 triệu đồng.

2. Số vốn điều chỉnh giảm nêu trên (76.330,342 triệu đồng) bố trí cho 15 dự án để thu hồi các khoản vốn ứng trước ngân sách trung ương.

3. Nguồn vốn: Vốn ngân sách trung ương theo Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 31 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH




Đỗ Trọng Hưng

Phụ lục: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025


(Kèm theo Nghị quyết số 530/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh		Chủ đầu tư (Cơ quan đầu mối theo dõi dự án)	Ghi chú		
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW				Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ (A+B):		4.141.373,000	1.325.519,212	339.433,000	22.558,000	76.330,342	76.330,342	76.330,342	339.433,000	98.888,342		
A	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025		3.483.658,000	952.032,000	271.387,000	22.558,000	76.330,342			195.056,658	22.558,000		
A.1	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		716.876,000	592.533,000	171.387,000	22.558,000	17.830,342			153.556,658	22.558,000		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		716.876,000	592.533,000	171.387,000	22.558,000	17.830,342			153.556,658	22.558,000		
a	Dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt		716.876,000	592.533,000	171.387,000	22.558,000	17.830,342			153.556,658	22.558,000		
1	Đường nối Quốc lộ 217 và đường tỉnh 520 (Hồi Xuân - Tén Tản) từ sông Lò, huyện Quan Sơn đến Nam Động, huyện Quan Hóa.	1186/QĐ-UBND ngày 14/4/2010; 2677/QĐ-UBND ngày 20/8/2012; 4151/QĐ-UBND ngày 26/11/2014; 4760/QĐ-UBND ngày 13/11/2019; 1119/QĐ-UBND ngày 06/4/2021; 1727/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; 2452/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	271.961,000	211.146,000	58.000,000	22.558,000	1.097,000			56.903,000	22.558,000	Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa	
2	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 516B đoạn từ ngã tư thị trấn Quán Lào đi thị trấn Thống Nhất.	956/QĐ-UBND ngày 18/3/2016; 4762/QĐ-UBND ngày 13/11/2019; 5526/QĐ-UBND ngày 28/12/2020; 1729/QĐ-UBND ngày 25/5/2021	156.969,000	156.969,000	64.969,000		7.862,000			57.107,000		Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa	
3	Cầu bê tông cốt thép đi xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy.	3566/QĐ-UBND ngày 08/10/2010; 4755/QĐ-UBND ngày 13/11/2019; 1730/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; 2453/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	130.528,000	92.000,000	8.000,000		2.953,342			5.046,658		Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa	
4	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông xã Xuân Quý - Thanh Lâm - Thanh Xuân, huyện Như Xuân.	3616/QĐ-UBND ngày 29/10/2014; 4126/QĐ-UBND ngày 25/11/2014; 4759/QĐ-UBND ngày 13/11/2019; 1722/QĐ-UBND ngày 25/5/2021	157.418,000	132.418,000	40.418,000		5.918,000			34.500,000		UBND huyện Như Xuân	
A.2	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN		2.766.782,000	359.499,000	100.000,000		58.500,000			41.500,000			

Số TT	Danh mục dự án	 Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán) Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh		Chủ đầu tư (Cơ quan đầu mối theo dõi dự án)	Ghi chú	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		Tổng số			Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW
								Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		2.766.782,000	359.499,000	100.000,000		58.500,000			41.500,000			
1	Trồng, chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng, sản xuất.	608, 631, 616- 03/3/2009; 93-29/1/2007; 231- 22/1/2010; 4412-30/10/2015; 4713-31/12/2009; 3984 - 09/10/2015; 1132, 1131-17/7/2008; 1467, 2021, 2202, 2023, 722-18/7/2008 ; 981- 22/7/2008; 650, 651, 648, 1532, 1160, 409- 16/7/2008; 1398 17/7/2008; 830, 841, 839, 840- 18/7/2008; 1468- 18/7/2008; 414, 431, 1634- 21/7/2008; 850, 982, 1573- 22/7/2008; 1910, 3111, 3113- 23/7/2008; 726, 859-24/7/2008; 550, 549-25/7/2008; 3511-2529, 3530, 3531, 3532, 3533, 3534, 3535, 3536, 3537, 3538, 3539, 3540, 3541, 3542, 3543, 3544, 3545, 3546, 3547, 3548, 3549, 3550, 3551, 3552, 3553, 3554, 3555, 3556, 3557, 3558, 3559, 3560, 3561 - 10/10/2013; 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340 - 05/7/2013; 1746/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; 2490/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	2.766.782,000	359.499,000	100.000,000		58.500,000			41.500,000		Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa (cơ quan được giao làm đầu mối theo dõi các dự án)	
B	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025		657.715,000	373.487,212	68.046,000			76.330,342	76.330,342	144.376,342	76.330,342		
B.1	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		523.571,000	323.156,000	68.046,000			26.728,096	26.728,096	94.774,096	26.728,096		
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		392.489,000	319.956,000	68.046,000			23.528,096	23.528,096	91.574,096	23.528,096		
a	Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020		242.489,000	169.956,000				16.928,096	16.928,096	16.928,096	16.928,096		
1	Đường giao thông ngã ba Bù Đồn - Xuân Lẻ, huyện Thường Xuân (thuộc dự án đường đến trung tâm các xã chưa có đường ô tô).	814/QĐ-CT ngày 24/3/2005; 2771/QĐ-UBND ngày 09/8/2010	14.670,000	12.007,000				357,000	357,000	357,000	357,000		Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa
2	Đường giao thông ngã ba Điện Lư - Lương Ngoại - Lương Trung - Lương Nội - Cẩm Quý, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa (thuộc dự án đường đến trung tâm các xã chưa có đường ô tô).	451/QĐ-CT ngày 07/02/2005; 1319/QĐ-UBND ngày 04/5/2009; 3955/QĐ-UBND ngày 04/11/2010	108.050,000	66.157,000				8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000		Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh		Chủ đầu tư (Cơ quan đầu mối theo dõi dự án)	Ghi chú			
			Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Tổng số			Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
3	Đường cứu hộ, cứu nạn liên thôn xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	3329/QĐ-UBND ngày 20/9/2010	14.934,000	14.934,000				6.071,096	6.071,096	6.071,096	6.071,096	Chi cục đề điều và phòng chống lụt bão Thanh Hóa (nay là Chi cục thủy lợi)			
4	Đường cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân vùng ngập lụt 3 xã Hà Dương, Hà Vân, Hà Thanh, huyện Hà Trung	1668/QĐ-UBND ngày 17/5/2010	30.076,000	5.700,000				700,000	700,000	700,000	700,000	UBND huyện Hà Trung			
5	Đường cứu hộ, cứu nạn nhân dân vùng ven biển huyện Hoằng Hóa	3243/QĐ-UBND ngày 03/10/2014	74.759,000	71.158,000				1.800,000	1.800,000	1.800,000	1.800,000	UBND huyện Hoằng Hóa			
<i>b</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025</i>		<i>150.000,000</i>	<i>150.000,000</i>	<i>68.046,000</i>			<i>6.600,000</i>	<i>6.600,000</i>	<i>74.646,000</i>	<i>6.600,000</i>				
1	Đường giao thông phục vụ công tác cứu hộ cho các xã Trung Thượng và Trung Tiến, huyện Quan Sơn.	4784/QĐ-UBND ngày 30/12/2010; 5003/QĐ-UBND ngày 25/11/2019; 1731/QĐ-UBND ngày 25/5/2021	150.000,000	150.000,000	68.046,000			6.600,000	6.600,000	74.646,000	6.600,000	UBND huyện Quan Sơn			
II	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư		131.082,000	3.200,000				3.200,000	3.200,000	3.200,000	3.200,000				
1	Đường cứu hộ, cứu nạn đi qua 4 xã Thọ Tiến, Hợp Lý, Hợp Tiến, Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn	3261/QĐ-UBND ngày 15/9/2010	76.093,000	1.900,000				1.900,000	1.900,000	1.900,000	1.900,000	Chi cục đề điều và phòng chống lụt bão Thanh Hóa (nay là Chi cục thủy lợi)			
2	Đường cứu hộ, cứu nạn đi qua 3 xã Thăng Thọ, Thăng Long, Vạn Thiện, huyện Nông Cống	3284/QĐ-UBND ngày 17/9/2010	54.989,000	1.300,000				1.300,000	1.300,000	1.300,000	1.300,000	Chi cục đề điều và phòng chống lụt bão Thanh Hóa (nay là Chi cục thủy lợi)			
B.2	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN		134.144,000	50.331,212				49.602,246	49.602,246	49.602,246	49.602,246				
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		134.144,000	50.331,212				49.602,246	49.602,246	49.602,246	49.602,246				
<i>a</i>	<i>Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020</i>		<i>134.144,000</i>	<i>50.331,212</i>				<i>49.602,246</i>	<i>49.602,246</i>	<i>49.602,246</i>	<i>49.602,246</i>				
1	Kè chống sạt lở bờ hữu đê sông Chu đoạn K37+300 đến K38+900 xã Thiệu Minh, Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa.	2489/QĐ-UBND ngày 07/8/2012	53.675,000	4.311,208				4.311,208	4.311,208	4.311,208	4.311,208	UBND huyện Thiệu Hóa			
2	Xử lý sạt lở đê tả sông Mã đoạn từ K3+125-K3+897,5 xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc.	1769/QĐ-UBND ngày 30/5/2013	32.533,000	5.000,000				5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	Chi cục đề điều và phòng chống lụt bão Thanh Hóa (nay là Chi cục thủy lợi)			
3	Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ Đồng Khanh, xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành	4221/QĐ-UBND ngày 29/11/2013	7.663,000	6.990,004				6.990,004	6.990,004	6.990,004	6.990,004	UBND huyện Thạch Thành			
4	Sửa chữa, nâng cấp hồ Khe Trầu xã Trúc Lâm, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	4532/QĐ-UBND ngày 19/12/2013	14.355,000	10.000,000				10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	Sở Nông nghiệp và PTNT			

Số TT		Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh		Chủ đầu tư (Cơ quan đầu mối theo dõi dự án)	Ghi chú	
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW									Tổng số
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
5	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Tân Lập, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc	670/QĐ-UBND ngày 12/3/2014	7.580,000	7.000,000				7.000,000	7.000,000	7.000,000	7.000,000	UBND huyện Vĩnh Lộc	
6	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Kẽm, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc	669/QĐ-UBND ngày 12/3/2014	12.229,000	11.030,000				11.000,000	11.000,000	11.000,000	11.000,000	UBND huyện Vĩnh Lộc	
7	Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ Bai Bông xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy	4120/QĐ-UBND ngày 22/11/2013	6.109,000	6.000,000				5.301,034	5.301,034	5.301,034	5.301,034	UBND huyện Cẩm Thủy	